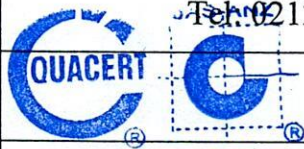


SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM HỖ TRỢ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-1.0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, Phường Chiềng An, tỉnh Sơn La

Tel: 0212.3789.378 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 2026.03.04.30/TN



Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu - phường Tô Hiệu - tỉnh Sơn La
Loại mẫu : Nước đóng bình Sowa
Số lượng mẫu : 01
Biên bản giao mẫu : Số 2026.03.09/BBGM. Ngày 09 tháng 03 năm 2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 6-1:2010/BYT	Phương pháp phân tích
01	Hàm lượng Antimon (Sb)	mg/l	KPH (Lod: 0,00337)	0,02	TCCS HD – 03/01
02	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,05	TCCS HD – 03/01
03	Bari (Ba) (*)	mg/l	0,019	0,7	SMEWW 3125:2023
04	Bor (B) (*)	mg/l	0,027	0,5	TCVN 6635:2000
05	Bromat (*)	mg/l	<0,001	0,01	SMEWW 4500 Br .B
06	Clor (*)	mg/l	0,035	5	TCVN 6225-2:2021
07	Clorat (*)	mg/l	<0,1	0,7	SMEWW 4500 –CLO ₂ E:2023
08	Clorit (*)	mg/l	0,035	0,7	SMEWW 4500 –CLO ₂ E:2023
09	Tổng Crom (Cr)	mg/l	KPH (Lod: 0,0039)	0,05	TCCS HD – 02/01
10	Hàm lượng Đồng (Cu)	mg/l	KPH (Lod: 0,03)	1	TCCS HD – 01/01
11	Hàm lượng Cacdimi (Cd)	mg/l	KPH (Lod:0,00054)	0,003	TCCS HD – 02/01
12	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,01	TCCS HD – 02/01
13	Hàm lượng Mangan (Mn)	mg/l	KPH (Lod: 0,027)	0,4	SMEWW 3113B:2017
14	Hàm lượng Selen (Se)	mg/l	KPH (Lod: 0,00058)	0,01	TCCS HD – 03/01
15	Hàm lượng Niken (Ni)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,02	TCCS HD – 02/01

16	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/l	KPH (Lod:0,00057)	0,001	TCCS HD – 04/01
17	Xyanid (CN ⁻) (*)	mg/l	<0,0025	0,07	SMEWW 4500 CN ⁻ .C, F:2023
18	Fluorid (F ⁻) (*)	mg/l	<0,29	1,5	SMEWW 4500 F ⁻ .D :2023
19	Molybden (Mo) (*)	mg/l	0,0010	0,07	SMEWW 3125:2023
20	Nitrat (NO ₃ ⁻) (*)	mg/l	<0,3	50	SMEWW 4500 NO ₃ ⁻ .D.2017
21	Nitrit (NO ₂ ⁻) (*)	mg/l	<0,02	3	SMEWW 4500 NO ₂ ⁻ .B:2023
22	Streptococci feacal (*)	CFU/250 ml	0	2	ISO 7899 -2:2000
23	Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfit (*)	CFU/50 ml	0	2	ISO 6461 -2 :1986
24	E. Coli (*)	CFU/250 ml	0	KPH được trong bất kỳ mẫu nào	TCVN 6187-1: 2019
25	Coliform tổng số (*)	CFU/250 ml	0	2	TCVN 6187-1: 2019
26	Trực khuẩn mũ xanh (*)	CFU/250 ml	0	2	ISO 16266:2006

Sơn La, ngày 03 tháng 04 năm 2026

Thử nghiệm viên

Kiểm soát

Giám đốc

Điền Thị Thương

Đỗ Mạnh Thắng

Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). Lod: giới hạn phát hiện của phương pháp. Loq: giới hạn định lượng của phương pháp pháp "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Hỗ trợ đổi mới sáng tạo và o và Chuyển đổi số